TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 5 - 2024.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huê và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1997.

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Thôn VM, xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định.

(*Phiên toà vắng mặt chị N không có lý do; anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T có quan điểm:

Anh và chị Bùi Thị Thanh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2019 tại UBND xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà anh, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, trong cuộc sống chị N cư xử không đúng mực với bố mẹ anh. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên tháng 6/2020 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị Bùi Thị Thanh N.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2024, bị đơn chị Bùi Thị Nhanh N có quan điểm:

Chị xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Đức T như anh T khai là đúng. Sau kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng có đánh nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên tháng 6/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

* Về con chung: Anh T và chị N đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành V (con trai), sinh ngày 06/12/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu V do anh T nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, cả anh T và chị N đều có nguyện vọng xin nuôi con chung và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện chị N không có thai nghén gì.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị N đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của ông Nguyễn Công T - Là trưởng thôn T, xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2019 tại UBND xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Việc cưới hỏi được hai bên tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn anh chị sống chung cùng với bố mẹ anh T. Quá trình sống chung anh chị có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có va chạm xô sát nhẹ và có báo chính quyền thôn T, xã TX nên ông có nắm được. Đến tháng 6/2020 thì chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nay anh T khởi xiện xin ly hôn chị N tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh T, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 06/12/2019. Từ khi chị N bỏ đi thì cháu V do anh T nuôi dưỡng chăm sóc và có bố mẹ anh T hỗ trợ việc chăm sóc cháu. Cuộc sống của cháu khi ở với anh T ổn định, cháu V đi học mẫu giáo được anh T và gia đình hỗ trợ nên đảm bảo tốt cho cháu V. Anh T đi làm Công ty nhưng làm thời gian hành chính, tính anh T chịu khó cẩn thận nên việc chăm sóc con rất tốt. Nay đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh T chị N theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Các đương sự đều vắng mặt, anh Thành có đơn giữ nguyên quan điểm như đã khai tại Tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa mà không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

+ Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 06/12/2019 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Bùi Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã TX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam và có địa chỉ tại: Thôn VM, xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "*Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung*" giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Bùi Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, nên việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N trên cơ sở các bên tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2019 tại UBND xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau kết hôn, anh T và chị N có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh chị đều thừa nhận là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Thực tế cho thấy anh T xin ly hôn thì chị N cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của anh T và chị N.

[4] Về con chung: Anh T và chị N thống nhất, xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thành V (con trai), sinh ngày 06/12/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu V do anh T nuôi dưỡng chăm sóc.

Xét yêu cầu xin nuôi con chung của anh T và chị N, Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên xét điều kiện mọi mặt về việc chăm sóc và nuôi dậy con chung thấy: Hiện nay cháu V đang ở với anh T, cuộc sống sinh hoạt và học hành đảm bảo cho cháu phát triển tốt. Anh T có chỗ ở ổn định và có bố mẹ hỗ trợ việc chăm sóc con, có công việc và thu nhập ổn định đủ đảm bảo về vật chất để nuôi dưỡng con chung. Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T và cháu V sinh sống cũng như đại diện trường mầm non nơi cháu V học tập cũng xác nhận việc nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đón cháu V đi lớp được anh T và gia đình đảm bảo cho cháu V phát triển tốt. Vì vậy, khi anh chị ly hôn cần giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Anh T có công việc và thu nhập ổn định đủ đảm bảo về vật chất để nuôi con và anh T tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

- Con nuôi, con riêng: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xém xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 68; 144; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Đức T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thành V (con trai), sinh ngày 06/12/2019, cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đức T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Thanh N, mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh T được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000356 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh T và chị N đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Trịnh Xá, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Xuyên